

Thực trạng việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ

Phạm Ngọc Tân^(*)

Tóm tắt: Vấn đề lao động - việc làm có vai trò hết sức quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của vùng Tây Nam bộ nói riêng và Việt Nam nói chung. Trong bài viết này, tác giả sử dụng phần mềm SPSS để phân tích bộ số liệu của Đề tài cấp Nhà nước “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” nhằm nhận diện thực trạng việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ hiện nay.

Từ khóa: Lao động, Việc làm, Thanh niên, Thanh niên nông thôn, Việc làm nông thôn, Tây Nam bộ

Abstract: The issue of labor - employment plays an important role in the strategy of sustainable development towards industrialization and modernization of the Southwest region in particular and Vietnam in general. In this paper, SPSS software is used to analyze the data set of the state-level project “Developing High-quality Human Resources and Human Resources for Sustainable Development in the Southwest Region” to identify the employment status of rural youth in the Southwest region today.

Keywords: Labor, Employment, the Young, the Rural Young, Rural Employment, Southwest Region

1. Dẫn nhập

Vùng Tây Nam bộ nằm về phía cực Nam Việt Nam (phía Đông giáp biển Đông, phía Tây giáp vịnh Thái Lan, phía Nam giáp Thái Bình Dương, phía Tây Bắc giáp Campuchia, phía Đông Bắc tiếp giáp vùng Đông Nam bộ) bao gồm 13 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng,

Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) với tổng diện tích tự nhiên là 40.518,5 km² và dân số là 17.478.900 người (Tổng cục Thống kê, 2015). Tây Nam bộ là địa bàn rộng và đông dân cư đứng thứ hai (sau đồng bằng sông Hồng) trong 8 vùng kinh tế - xã hội của cả nước. Thế mạnh nông nghiệp của Tây Nam bộ là lúa gạo, trái cây và thủy sản (Trần Hữu Thiệp, 2013).

Tây Nam bộ là vùng có nguồn nhân lực dồi dào về số lượng. Năm 2013, lực lượng lao động của vùng khoảng 10,3 triệu người, đứng thứ hai trong cả nước. Hơn 65% số hộ gia đình vùng Tây Nam bộ sản xuất nông-

^(*) ThS., Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: ngoc.tan.tan.1111@gmail.com

lâm nghiệp, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, và gần 90% trong số hộ này tham gia sản xuất lúa và cây ăn trái. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của toàn vùng Tây Nam bộ là 10,5%, tỷ lệ lao động có trình độ học vấn từ đại học trở lên chiếm 4,4%, cao đẳng chiếm 1,1%, trung cấp 2,3% và dạy nghề 2,4%. Bên cạnh đó, vùng Tây Nam bộ hiện có 24,5% thanh niên không làm việc và chưa bao giờ đến trường (Tổng cục Thống kê, 2014). Bình quân tiền lương lao động ở vùng này cũng thuộc loại thấp nhất cả nước với hơn 3,3 triệu đồng/người/tháng. Có thể do thu nhập thấp nên các gia đình không có khả năng chi trả các khoản phí ngày càng cao cho con em theo học tại các trường cao đẳng, đại học, nhất là các trường tư. Bên cạnh đó, yếu tố văn hóa và lối sống của người dân ở vùng Tây Nam bộ cũng ảnh hưởng nhiều đến trình độ học vấn, chuyên môn và thực trạng việc làm của người lao động nơi đây.

Bài viết tập trung nhận diện thực trạng việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ qua phân tích số liệu khảo sát thực hiện năm 2016 của Đề tài cấp Nhà nước “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ” (Mã số: KHCN/14-19/X05) do GS.TS. Đặng Nguyên Anh làm chủ nhiệm, Viện Xã hội học (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) là tổ chức chủ trì.

2. Số liệu và phương pháp

Khái niệm thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ được xác định là nhóm thanh niên tuổi từ 16-35, sinh sống tại các địa bàn nông thôn trong mẫu nghiên cứu của Đề tài.

Đề tài đã thực hiện khảo sát tại 1.512 hộ gia đình với 6.564 nhân khẩu (sinh từ năm 1905 đến 2015) và trực tiếp phỏng vấn 3.304 cá nhân có độ tuổi từ 15-65 tại

các địa bàn nghiên cứu thuộc 5 tỉnh là An Giang, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang và Cần Thơ. Trong quá trình phân tích và xử lý bộ số liệu khảo sát, tác giả sử dụng phần mềm SPSS để tách, lọc và đã có được file dữ liệu bao gồm những thông tin của 566 người trả lời có độ tuổi từ 16-35 đang làm việc trên thị trường lao động, hiện sinh sống tại các địa bàn nông thôn (bao gồm 7 xã: xã Vĩnh Thạnh, xã An Hòa, xã Bình Hòa thuộc huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; xã Đa Lộc, xã Hòa Lợi thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; xã An Thạnh thuộc thị xã Bến Lức, tỉnh Long An; xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang), số mẫu này không bao gồm học sinh, sinh viên¹.

Tổng số mẫu 566 thanh niên nông thôn được chia thành 3 nhóm: 16-24 tuổi (24,91%); 25-30 tuổi (41,34%) và 31-35 tuổi (33,75%).

Nhìn chung, tỷ lệ người được hỏi phân bố tương đối đều về giới tính (56,4% là nam và 43,6% là nữ). Các đặc điểm khác có sự phân bố chênh lệch: dân tộc (62% là dân tộc Kinh và 38% là dân tộc khác), tình trạng hôn nhân (63,1% hiện có vợ/chồng và 36,9% hiện không có vợ/chồng) và tôn giáo (28,8% không tôn giáo; 46,6% Phật giáo; 10,8% Công giáo và 13,8% tôn giáo khác), mức sống hộ gia đình do người trả lời đánh giá (24,2% hơn trung bình; 60,1% trung bình và 15,7% kém trung bình).

Về trình độ học vấn, mẫu nghiên cứu đã cho thấy những chỉ báo về trình độ học vấn thấp của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ: tỷ lệ chưa từng đi học chiếm 14,5%; đã tốt nghiệp tiểu học là 29,7%; tốt nghiệp THCS 20,7%; tốt nghiệp THPT

¹ Các số liệu và bảng biểu trong bài đều lấy từ kết quả tác giả bài viết chạy lại số liệu của Đề tài.

14,5%; tốt nghiệp trường học nghề và trung cấp trở lên là 20,7%. Chỉ báo này cũng khá tương đồng với số liệu trong *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2013* của Tổng cục Thống kê (2014).

3. Hiện trạng việc làm của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ

Kết quả phân tích hiện trạng việc làm của 566 thanh niên trong mẫu nghiên cứu (bao gồm 6 nhóm việc làm chính thể hiện trong các bảng từ 1 đến 7) theo một số chiều cạnh xã hội như sau:

Ở bảng 1, phân chia việc làm chính của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ theo nhóm tuổi cho thấy: công nhân và phi nông nghiệp khác có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm 16-24 tuổi (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 36,2% và 27,7%, N=141) và 25-30 tuổi (với tỷ lệ 34,6% và 22,2%, N=234); trong khi nông nghiệp, buôn bán và công/viên chức có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở nhóm 31-35 tuổi (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 26,7%, 15,7% và 7,9%, N=191). Điều này có thể được lý giải rằng, tâm lý thích khám phá, trải nghiệm, muốn khẳng định mình và đôi khi là thích làm theo bạn bè của nhóm thanh niên trẻ tuổi đã hướng cho họ tìm đến việc làm công nhân để có thể tự kiếm được nguồn thu nhập. Khi ở độ tuổi cao hơn, cần phải gánh vác trách nhiệm với gia đình nhiều hơn, họ thường tìm đến những việc làm vừa kiếm được thu nhập ổn định, vừa có thể dành nhiều thời gian hơn để chăm sóc gia đình.

Bảng 1: Việc làm chính chia theo nhóm tuổi (%)

	16-24 (N=141)	25-30 (N=234)	31-35 (N=191)	Chung (N=566)
Nông Nghiệp	16,3	15,4	26,7	19,4
Công nhân	36,2	34,6	19,4	29,9
Buôn bán	10,6	12,4	15,7	13,1
Công/viên chức	2,1	7,3	7,9	6,2
Làm mướn	7,1	8,1	10,5	8,7
Phi nông nghiệp khác	27,7	22,2	19,9	22,8

Bảng 2: Việc làm chính chia theo học vấn (%)

	Chưa từng đi học (N=82)	Tiểu học (N=168)	THCS (N=117)	THPT (N=82)	Học nghề & trung cấp trở lên (N=117)	Chung (N=566)
Nông nghiệp	17,1	25,6	25,6	13,4	10,3	19,4
Công nhân	12,2	26,2	40,2	41,5	29,1	29,9
Buôn bán	18,3	12,5	9,4	17,1	11,1	13,1
Công/ viên chức	0	0	0,9	2,4	27,4	6,2
Làm mướn	28,0	11,9	3,4	2,4	0	8,7
Phi nông nghiệp khác	24,4	23,8	20,5	23,2	22,2	22,8

Bảng 2 cho thấy bức tranh về hiện trạng việc làm của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ khi phân chia việc làm chính của họ theo trình độ học vấn. Dễ nhận thấy phần lớn việc làm chính công/viên chức tập trung chủ yếu ở nhóm thanh niên học nghề và trung cấp trở lên (27,4%, N=117). Phần lớn những người làm mướn đều chưa từng đi học (28%, N=82) hoặc có trình độ học vấn tiểu học (11,9%, N=168). Tỷ lệ 0% ở nhóm làm mướn với trình độ học vấn học nghề và trung cấp trở lên, nhóm công/viên chức chiếm 0% ở nhóm trình độ tiểu học và chưa từng đi học là những điều dễ hiểu. Bởi vì, những thanh niên đã tốt nghiệp học nghề

và trung cấp trở lên có nhiều khả năng đáp ứng các yêu cầu của thị trường lao động để tìm được việc làm, thậm chí nhiều người trong số họ còn có khả năng tự tạo việc làm cho mình và tạo việc làm cho xã hội. Còn những người chưa từng đi học thì hầu hết đều không thể đáp ứng được những yêu cầu của việc làm công/viên chức nên phần lớn trong số họ phải đi làm mướn.

Bên cạnh đó, phần lớn những người làm nông nghiệp đều có trình độ học vấn từ THCS trở xuống (THCS và tiểu học đều là 25,6% với N=117 và N=168; chưa từng đi học 17,1% với N=82) cũng là những thách thức không nhỏ đặt ra đối với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở vùng này.

Đây là chỉ báo cho thấy rất cần thiết có những chiến lược trung và dài hạn nhằm nâng cao trình độ học vấn của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ để đáp ứng yêu cầu chất lượng lao động và việc làm trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Bảng 3: Việc làm chính chia theo giới tính (%)

	Nam (N=319)	Nữ (N=247)	Chung (N=566)
Nông nghiệp	26,0	10,9	19,4
Công nhân	23,5	38,1	29,9
Buôn bán	11,6	15,0	13,1
Công/viên chức	6,0	6,5	6,2
Làm mướn	10,0	6,9	8,7
Phi nông nghiệp khác	22,9	22,7	22,8

Khi phân chia việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng này theo giới tính thì dễ dàng nhận thấy sự khác biệt ở nhóm việc làm nông nghiệp (giữa tỷ lệ nam là 26%, N=319 và nữ là 10,9%, N=247) và công nhân (giữa tỷ lệ nam là 23,5% và nữ là 38,1%, N=247) (xem bảng 3).

Những chỉ báo này cho thấy, xu hướng muốn thoát ly nông nghiệp của nữ thanh

niên vùng Tây Nam bộ mạnh hơn đáng kể so với nam. Tỷ lệ nữ nhiều hơn nam trong nhóm công nhân phần nào phản ánh thực tế rằng nữ dường như có nhiều điều kiện, cơ hội tiếp cận thị trường lao động tại các công ty, khu công nghiệp với một số chính sách ưu tiên tuyển dụng nữ công nhân. Và những sự lựa chọn của nhiều nữ thanh niên là công nhân nhiều hơn nông nghiệp cũng là điều dễ hiểu. Kết quả này phù hợp với tình hình thực tiễn của việc làm thanh niên ở khu vực nông thôn Tây Nam bộ.

Bảng 4: Việc làm chính chia theo tình trạng hôn nhân (%)

	Hiện có vợ/chồng (N=357)	Hiện không có vợ/chồng (N=209)	Chung (N=566)
Nông nghiệp	24,1	11,5	19,4
Công nhân	26,6	35,4	29,9
Buôn bán	12,0	14,8	13,1
Công/viên chức	5,9	6,7	6,2
Làm mướn	10,9	4,8	8,7
Phi nông nghiệp khác	20,4	26,8	22,8

Bảng 4 cho thấy, khi phân chia việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng này theo tình trạng hôn nhân thì có sự khác biệt đáng chú ý ở các nhóm nông nghiệp (tỷ lệ hiện không có vợ/chồng là 11,5%, N=205 so với hiện có vợ/chồng là 24,1%, N=357), công nhân (tỷ lệ hiện không có vợ/chồng là 35,4%, N=209 so với hiện có vợ/chồng là 26,6%, N=357) và làm mướn (tỷ lệ hiện không có vợ/chồng là 4,8%, N=209 so với hiện có vợ/chồng là 10,9%, N=357).

Kết quả nghiên cứu này cũng khá phù hợp với thực tiễn việc làm của thanh niên nông thôn là các cặp vợ chồng trẻ. Sau thời gian tham gia vào thị trường lao động phi nông nghiệp, đặc biệt là trong các khu công nghiệp, nhiều thanh niên nông thôn đã kết hôn và gặp không ít khó khăn trong cuộc

sống gia đình và chăm sóc con nhỏ. Nhiều người trong số họ đã lựa chọn phương án tìm đến nông nghiệp và kể cả là làm mướn để có thể vừa làm việc kiếm thu nhập vừa có thêm thời gian chăm sóc gia đình.

Bảng 5: Việc làm chính chia theo mức sống hộ gia đình (%)

	Hơn trung bình (N=137)	Trung bình (N=340)	Kém trung bình (N=89)	Chung (N=566)
Nông nghiệp	20,4	20,6	13,5	19,4
Công nhân	27,7	33,2	20,2	29,9
Buôn bán	19,7	12,1	6,7	13,1
Công/viên chức	8,0	6,5	2,2	6,2
Làm mướn	2,2	7,9	21,3	8,7
Phi nông nghiệp khác	21,9	19,7	36,0	22,8

Bức tranh về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ chia theo mức sống hộ gia đình (do họ tự đánh giá) thể hiện trong bảng 5. Phần lớn tỷ lệ thanh niên có việc làm chính ở các nhóm công nhân, nông nghiệp, buôn bán, công/viên chức đều có mức sống hơn trung bình (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 27,7%; 20,4%; 19,7%; 8%, N=137) và trung bình (với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 33,2%; 20,6%; 12,1%; 6,5%, N=340). Phần lớn tỷ lệ thanh niên có việc làm chính ở các nhóm phi nông nghiệp khác và làm mướn đều có mức sống kém trung bình với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 36% và 21,3% (N=89). Đây là điều dễ hiểu bởi những thanh niên tập trung làm việc trong các nhóm công nhân, nông nghiệp, buôn bán, công/viên chức thì sẽ có được nguồn thu nhập ổn định hơn và có thể nâng cao hơn được mức sống của gia đình họ. Còn những thanh niên làm việc trong nhóm làm mướn và phi nông nghiệp khác có nguồn thu nhập bấp bênh hơn nên mức

sống của gia đình họ ở mức thấp hơn. Điều này phù hợp với những phân tích trên đây vì phần lớn những thanh niên ở nhóm làm mướn là chưa từng đi học.

Bảng 6: Việc làm chính chia theo dân tộc (%)

	Kinh (N=351)	Dân tộc khác (N=215)	Chung (N=566)
Nông nghiệp	11,4	32,6	19,4
Công nhân	37,9	16,7	29,9
Buôn bán	12,5	14	13,1
Công/viên chức	8,5	2,3	6,2
Làm mướn	6,3	12,6	8,7
Phi nông nghiệp khác	23,4	21,9	22,8

Bảng 6 cho thấy, khi phân chia việc làm chính của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ theo dân tộc thì có tỷ lệ chênh lệch khá lớn ở các nhóm công nhân (dân tộc Kinh 37,9%, N=351 so với dân tộc khác 16,7%, N=215), nhóm nông nghiệp (dân tộc Kinh 11,4%, N=351 so với dân tộc khác 32,6%, N=215), nhóm công/viên chức (dân tộc Kinh 8,5%, N=351 so với dân tộc khác 2,3%, N=215) và nhóm làm mướn (dân tộc Kinh 6,3%, N=351 so với dân tộc khác 12,6%, N=215).

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Công Mạnh (2007) cũng cho thấy, khó khăn lớn nhất cư dân địa phương nơi đây là trình độ học vấn thấp, nhất là các xã vùng sâu, vùng dân tộc Khmer và còn duy trì nhiều phong tục, tập quán lạc hậu. Đó là những lực cản không nhỏ ảnh hưởng đến việc tiếp thu và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật trong sản xuất và đời sống của người dân địa phương.

Vì vậy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới ở khu vực nông thôn Tây Nam bộ cần thực hiện nhiều giải pháp phát triển đồng bộ, nhất là những giải pháp tạo việc làm cho nhóm thanh niên các dân tộc thiểu số, ở vùng sâu, vùng xa.

Bức tranh về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng này chia theo tôn giáo thể hiện trong bảng 7: rõ nét nhất là nhóm công nhân và nông nghiệp có tỷ lệ tập trung chủ yếu lần lượt ở nhóm không tôn giáo và Phật giáo với tỷ lệ tương ứng lần lượt là 52,1% (N=163) và 28% (N=264). Còn lại, phần lớn tỷ lệ thanh niên buôn bán và phi nông nghiệp khác tập trung chủ yếu ở các nhóm Công giáo (21,3% và 27,9%, N=61), tôn giáo khác (19,2% và 20,5%, N=78) và Phật giáo (11,7% và 25,8%, N=264). Phần lớn tỷ lệ thanh niên làm mướn tập trung ở các nhóm tôn giáo khác (24,4%, N=78), Công giáo (14,8%, N=61) và Phật giáo (7,6%, N=264). Thanh niên công/viên chức tập trung ở các nhóm không tôn giáo (11%, N=163), Công giáo (6,6%, N=61) và Phật giáo (4,9%, N=264).

Bảng 7: Việc làm chính chia theo tôn giáo (%)

	Không tôn giáo (N=163)	Phật giáo (N=264)	Công giáo (N=61)	Tôn giáo khác (N=78)	Chung (N=566)
Nông nghiệp	9,8	28	11,5	16,7	19,4
Công nhân	52,1	22	18	19,2	29,9
Buôn bán	9,2	11,7	21,3	19,2	13,1
Công/viên chức	11	4,9	6,6	0	6,2
Làm mướn	0,6	7,6	14,8	24,4	8,7
Phi nông nghiệp khác	17,2	25,8	27,9	20,5	22,8

Điều đó cho thấy có sự khác biệt về việc làm giữa các nhóm thanh niên có tôn giáo khác nhau trong mẫu nghiên cứu. Những chỉ báo này có thể gợi ra những cơ sở khoa học cần lưu tâm trong quá trình tạo các cơ hội việc làm, hoạch định chiến lược việc làm thanh niên nói riêng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nói chung ở khu vực nông thôn Tây Nam bộ trong giai đoạn tiếp theo.

Bảng 8: Khu vực làm việc chia theo nhóm tuổi (%)

	16-24 (N=141)	25-30 (N=234)	31-35 (N=191)	Chung (N=566)
Cá nhân tự làm một mình	27,7	28,6	42,4	33,0
Hộ SXKD cá thể	9,2	10,7	16,2	12,2
Tập thể	4,3	3,4	1,6	3,0
Tư nhân	43,3	37,6	25,1	34,8
Nhà nước	5,0	9,0	11,0	8,7
Vốn nước ngoài	10,6	10,7	3,7	8,3

Bảng 8 cho thấy bức tranh về khu vực làm việc của thanh niên nông thôn Tây Nam bộ (N=566): Nhìn chung, phần lớn trong số họ làm việc ở các khu vực tư nhân (34,8%), cá nhân tự làm một mình (33%) và có tỷ lệ rất ít người làm trong khu vực tập thể. Bên cạnh đó, phân chia theo nhóm tuổi cho thấy, trong khi phần lớn tỷ lệ tập trung ở khu vực tư nhân và vốn nước ngoài là thanh niên 16-24 tuổi (43,3% và 10,6%, N=141) và 25-30 tuổi (37,6% và 10,7%, N=234) thì phần lớn tỷ lệ tập trung ở nhóm tự làm một mình và hộ sản xuất kinh doanh cá thể là thanh niên 31-35 tuổi (42,4% và 16,2%, N=191).

Kết quả này cũng phù hợp với những phân tích trên đây khi phần lớn thanh niên trẻ tuổi tập trung chủ yếu ở việc làm công nhân và phi nông nghiệp khác trong khi nhóm thanh niên lớn tuổi hơn thì tập trung chủ yếu ở các việc làm nông nghiệp, buôn bán và công/viên chức.

Bảng 9 cho thấy, khi xem xét vị thế việc làm của thanh niên nông thôn vùng này (N=566) có thể thấy, tỷ lệ tập trung chủ yếu ở làm công ăn lương (53,7%) và tự làm tự doanh (31,8%), trong khi tỷ lệ xã viên hợp tác xã là rất ít (0,2%). Khi chia theo nhóm

tuổi thì: phần lớn tỷ lệ làm công ăn lương tập trung ở nhóm 25-30 tuổi (59%, N=234) và 16-24 tuổi (56,7%, N=141); trong khi đó, tỷ lệ tự làm tự doanh tập trung chủ yếu ở nhóm 31-35 tuổi (41,9%, N=191). Chỉ có 0,5% (N=191) thanh niên 31-35 tuổi là xã viên hợp tác xã.

Bảng 9: Vị thế việc làm chia theo nhóm tuổi (%)

	16-24 (N=141)	25-30 (N=234)	31-35 (N=191)	Chung (N=566)
Lao động gia đình không hưởng lương	6,4	3,8	6,8	5,5
Làm công ăn lương	56,7	59	45	53,7
Chủ cơ sở	3,5	1,7	0,5	1,8
Tự làm tự doanh	25,5	27,4	41,9	31,8
Xã viên hợp tác xã	0	0	0,5	0,2
Khác	7,8	8,1	5,2	7,1

Điều này có thể được lý giải bởi thực tế rằng, khi bắt đầu tham gia thị trường lao động, phần lớn trong số họ (ở độ tuổi 16-24 và 25-30) đã làm ở các nhóm công nhân và phi nông nghiệp khác trong các khu vực tư nhân và khu vực có vốn nước ngoài. Khi ở độ tuổi lớn hơn (31-35), cần có cả thời gian làm việc kiếm thu nhập và thời gian chăm sóc gia đình, phần lớn thanh niên ở các nhóm nông nghiệp, buôn bán, công/viên chức đã tìm đến các công việc tự làm tự doanh hoặc làm mướn cho các hộ sản xuất kinh doanh cá thể.

Số liệu trong bảng 10 cho thấy tình trạng việc làm thường xuyên ở mức khá cao của các thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát (N=566) với tỷ lệ 82,2% có việc làm thường xuyên, 16,8% việc làm không thường xuyên, 1,1% không có việc làm.

Bảng 10: Tình trạng việc làm trong 12 tháng trước khảo sát chia theo nhóm tuổi (%)

	16-24 (N=141)	25-30 (N=234)	31-35 (N=191)	Chung (N=566)
Có việc làm thường xuyên	77,3	84,6	82,7	82,2
Việc làm không thường xuyên	21,3	15	15,7	16,8
Không có việc làm	1,4	0,4	1,6	1,1

Khi phân chia tình trạng việc làm theo nhóm tuổi, dễ thấy: việc làm thường xuyên nhất là nhóm 25-30 tuổi (với tỷ lệ 84,6% có việc làm thường xuyên; 15% việc làm không thường xuyên và 0% không có việc làm; N=234) và không thường xuyên nhất là nhóm 16-24 tuổi (với 77,3% có việc làm thường xuyên; 21,3% việc làm không thường xuyên và 1,4% không có việc làm; N=141). Bên cạnh đó, số liệu nghiên cứu cũng cho thấy rằng, khoảng 22,7% thanh niên từ 16-24 tuổi trong mẫu nghiên cứu còn thất nghiệp và thiếu việc làm. Kết quả cũng khá tương đồng với số liệu thống kê trong *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2013* của Tổng cục Thống kê (2014).

4. Kết luận

Qua phân tích thực trạng việc làm của 566 thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ theo một số chiều cạnh trên đây, tác giả xin đưa ra một số nhận định mang tính kết luận như sau:

- Việc làm chính là nông nghiệp có tỷ lệ tập trung chủ yếu thanh niên ở các nhóm: dân tộc khác, Phật giáo, 31-35 tuổi, nam, hiện có vợ/chồng, trình độ tiểu học và THCS.

- Việc làm chính là công nhân có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm: không tôn giáo, trình độ THPT, THCS, nữ, dân tộc

Kinh, 16-24 tuổi và 25-30 tuổi, hiện không có vợ/chồng.

- Việc làm chính là buôn bán có tỷ lệ tập trung nhiều hơn ở các nhóm: Công giáo, tôn giáo khác, mức sống hơn trung bình, chưa từng đi học, trình độ THPT, 31-35 tuổi, nữ, và hiện có vợ/chồng.

- Việc làm chính là công/viên chức có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm: trình độ THPT, học nghề và trung cấp trở lên, không tôn giáo, Công giáo, dân tộc Kinh, mức sống trung bình, mức sống hơn trung bình, 31-35 tuổi, 25-30 tuổi, hiện có vợ/chồng, nữ.

- Việc làm chính là làm vườn có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm: chưa từng đi học, trình độ tiểu học, Công giáo, tôn giáo khác, mức sống kém trung bình, dân tộc khác, hiện có vợ/chồng, 31-35 tuổi, nam.

- Việc làm chính là phi nông nghiệp khác có tỷ lệ tập trung chủ yếu ở các nhóm: mức sống kém trung bình, Công giáo, Phật giáo, 16-24 tuổi, hiện không có vợ/chồng, chưa từng đi học, trình độ tiểu học, THPT, dân tộc Kinh, nam.

- Phần lớn việc làm chính của thanh niên trong mẫu nghiên cứu có tỷ lệ tập trung ở nhóm tư nhân và cá nhân tự làm một mình với vị thế làm công ăn lương và tự làm tự doanh.

- Nhìn chung, tình trạng làm việc của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ trong mẫu nghiên cứu ở mức khá thường xuyên. Tuy nhiên, số liệu nghiên cứu cũng cho thấy tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm vẫn còn ở mức khá cao (khoảng 17,9%) và tập trung cao nhất ở nhóm 16-24 tuổi (22,7%, N=141).

Vùng Tây Nam bộ có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế (đặc biệt là kinh tế nông nghiệp gắn với công nghiệp chế biến) và có vai trò quan trọng trong chiến

lược phát triển của cả nước. Tuy nhiên, lực lượng thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ có nhiều nét đặc thù, đặc biệt là trình độ học vấn đào tạo ở mức thấp, vấn đề lao động - việc làm của họ đã và đang đặt ra những yêu cầu cấp bách trong bối cảnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Cần có những nghiên cứu sâu rộng hơn nữa để phân tích rõ hơn các chiều cạnh việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam bộ nhằm cung cấp những luận cứ khoa học xác thực hơn cho việc hoạch định chiến lược phát triển Tây Nam bộ trong thời gian tới □

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Nguyên Anh (2016-2018), *Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ*, Đề tài cấp Nhà nước (Mã số: KHCN/14-19/X05) thuộc Chương trình Khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ, Viện Xã hội học - Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
2. Nguyễn Công Mạnh (2007), “Tìm hiểu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Tịnh Biên - An Giang trong thời kỳ Đổi Mới (1986-2006)”, *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, số 11+12/2007.
3. Trần Hữu Thiệp (2013), “Một số vấn đề về phát triển vùng và liên kết vùng đồng bằng sông Cửu Long”, trong: *Kỷ yếu Hội thảo “Giải pháp khai thác tiềm năng Kinh tế - Xã hội các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng liên kết vùng”*.
4. Tổng cục Thống kê (2014), *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2013*.
5. Tổng cục Thống kê (2015), *Báo cáo Điều tra lao động việc làm năm 2014*.